

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2016/HSST

Ngày: 23-3-2016

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Phú Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Phước Đa.

Ông Nguyễn Văn Em.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên -
Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên
tòa: Ông Dương Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2016, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng
Tháp. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án
hình sự thụ lý số: 68/2015/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2015 đối với bị
cáo:

NGUYỄN DUY B

- Sinh ngày 07/7/1977;
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, xã B, thị xã H, tỉnh Đ.
- Trình độ học vấn: 12/12;
- Nghề nghiệp: Công nhân viên;
- Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Con ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1951 và bà Võ Thị M, sinh năm 1952 (chết);

- Vợ: Võ Thị B V, sinh năm 1979;
- Có 02 con: lớn sinh năm 2003 và nhỏ sinh năm 2005;
- Tiền án, tiền sự: Chưa.
- Bị bắt tạm giam ngày 06/7/2015;
- Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp.

** Nguyên đơn dân sự:*

1/ Ủy ban nhân dân xã B, thị xã H, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Trung H, sinh năm 1978 - là Công chức Tư pháp - Hộ tịch; Địa chỉ: ấp D, xã E, thị xã H, tỉnh Đ. Theo văn bản ủy quyền số 200/GUQ-UBND ngày 10/8/2015 của Ủy ban nhân dân xã E, thị xã C.

2/ Ủy ban nhân dân xã E, thị xã H.

Người đại diện theo ủy quyền: Dương Minh H, sinh năm 1962 - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E; HKTT: khóm 4, phường F, thị xã H, tỉnh Đ. Theo văn bản ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã B, thị xã H.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Duy B bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Năm 1998, Nguyễn Duy B được nhận vào công tác tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, nhiệm vụ chuyên môn là Kế toán ngân sách. Ngày 26/6/2013, Nguyễn Duy B được điều động công tác từ xã B đến công tác tại UBND xã E giữ nhiệm vụ công chức tài chính - kế toán (phụ trách ngân sách nhà nước và tổng hợp chung) theo Quyết định số: 260/QĐUBND - TCCB của Ủy ban nhân dân thị xã H. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, B đã lợi dụng sự thiếu kiểm tra và việc tin tưởng được giao quản lý tiền mặt để thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của 02 đơn vị nêu trên để tiêu xài cá nhân.

Ngày 29/10/2014, Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã H, tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện thu - chi ngân sách từ tháng 01 đến tháng 10/2014 tại xã B và xã E; kết quả kiểm tra xác định: Nguyễn Duy B có

hành vi chiếm đoạt số tiền ngân sách của 02 xã nêu trên là: 347.966.000 đồng. Cụ thể như sau:

1/ Tại UBND xã B

Tháng 8/1998, Nguyễn Duy B được nhận vào công tác tại UBND xã B, thị xã C, nhiệm vụ chuyên môn là Kế toán trưởng kiêm Kế toán ngân sách. Đến năm 2009, do thủ quỹ Dương Thị T A nghỉ hộ sản, sau đó được điều động công tác về Thị ủy H nên lãnh đạo UBND xã B tổ chức cuộc họp và thống nhất giao cho B nhiệm vụ giữ tiền mặt gồm các nguồn tiền như sau:

- Tiền dậm vá đê bao: 214.838.500 đồng;
 - Tiền vận động quỹ vì người nghèo: 62.000.000 đồng;
 - Tiền mua xe mai táng: 64.200.000 đồng;
 - Tiền vận động cất nhà tình nghĩa: 75.000.000 đồng;
- Tổng cộng: 416.038.500 đồng.

Trong qua trình quản lý số tiền trên, B đã chi những khoản cụ thể như sau:

- Tiền dậm vá đê bao: 7.380.000 đồng; tồn: 207.458.500 đồng;
- Tiền vận động quỹ vì người nghèo: 40.000.000 đồng; tồn: 22.000.000 đồng;
- Tiền mua xe mai táng: 25.000.000 đồng; tồn: 39.200.000 đồng;
- Tiền vận động cất nhà tình nghĩa: 30.000.000 đồng; tồn: 45.000.000 đồng;

Như vậy, B đã chi 102.380.000 đồng; tồn quỹ: 313.658.500 đồng.

Ngày 26/6/2013, B được điều động đến nhận công tác tại UBND xã E. Đến ngày 09/9/2013, B bàn giao nhiệm vụ kế toán và quỹ tiền mặt cho bà Lê Thị M P nhưng B không có tiền mặt để bàn giao và thừa nhận đã cho mượn và sử dụng cá nhân toàn bộ số tiền: 313.658.500 đồng. Cụ thể:

B cho Võ Văn K - Nguyên Kế toán trưởng Kho bạc thị xã C mượn 250.000.000 đồng vào ngày 28/02/2012, sau đó K bỏ trốn và bị bắt về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; còn lại thì B sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Kết quả điều tra xác định việc B có cho K mượn 250.000.000 đồng vào ngày 28/02/2012 là có thật, nhưng tại thời điểm cho K mượn, B chỉ quản lý các nguồn tiền như sau:

- Tiền dạm vá đê bao: 75.984.500 đồng;
- Tiền vận động quỹ vì người nghèo: 22.000.000 đồng;
- Tiền vận động cất nhà tình nghĩa: 45.000.000 đồng;

Như vậy, trong tổng số tiền 313.658.500 đồng B quản lý. Xác định được B chỉ sử dụng cho K mượn 142.984.500 đồng, còn lại 170.674.000 đồng B sử dụng cá nhân hết. Ngày 27/01/2015, B nộp trả 313.638.000 đồng.

2/ Tại UBND xã E

Vào ngày 26/6/2013, Nguyễn Duy B được điều động về nhận công tác tại UBND xã E, thị xã H, nhiệm vụ được giao là Kế toán ngân sách.

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2014 đến tháng 10/2014, tổng số tiền rút về là 1.330.000.000 đồng, đã chi 961.117.000 đồng, còn lại 368.883.000 đồng. Trong đó, Nguyễn Thị P giữ tiền mặt 159.511.000 đồng, B giữ 209.372.000 đồng tiền mặt nhưng chỉ chi cho cơ quan có chứng từ được 32.050.000 đồng, còn lại 177.322.000 đồng B chiếm đoạt sử dụng cá nhân hết. Cụ thể:

Ngày 24/01/2014, B tham mưu cho Lãnh đạo xã ký rút 280.000.000 đồng và ngày 17/02/2014 rút 80.000.000 đồng, tổng cộng 360.000.000 đồng từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên để quyết toán kinh phí hoạt động thường xuyên tồn năm 2013.

Sau khi rút được 360.000.000 đồng, B nhập quỹ số tiền 80.000.000 đồng; còn lại 280.000.000 đồng B quyết toán kinh phí hoạt động thường xuyên tồn năm 2013 được 102.678.000 đồng. Còn lại 177.322.000 đồng, B không nhập quỹ mà chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Tại thời điểm kiểm tra, Nguyễn Duy B đã sử dụng cá nhân hết số tiền này. Ngày 14/01/2015, B nộp trả toàn bộ số tiền chiếm đoạt này.

Tổng cộng, Nguyễn Duy B đã chiếm đoạt của UBND xã B và UBND xã E với số tiền 347.996.000 đồng.

Đối với số tiền 142.984.500 đồng B cho Nguyễn Văn K mượn có

dấu hiệu của tội sử dụng trái phép tài sản. Tuy nhiên, việc B cho K mượn không có yếu tố vụ lợi, không tính lãi suất và bị K chiếm đoạt. Hiện tại số tiền này, B đã hoàn trả đầy đủ cho UBND xã B và UBND xã E nên không xem xét xử lý đối với hành vi sử dụng trái phép tài sản của B.

Theo cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy B về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 278 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Quá trình điều tra và qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Duy B thể hiện như sau:

Bị cáo Nguyễn Duy B được tuyển dụng vào công tác tại UBND xã B, thị xã C vào tháng 8/1998, nhiệm vụ chuyên môn là Kế toán trưởng kiêm Kế toán ngân sách. Đến năm 2009, bị cáo được phân công nhiệm vụ giữ tiền mặt của UBND xã B. Đến ngày 26/6/2013, bị cáo được điều động về nhận công tác tại UBND xã E, thị xã H, nhiệm vụ được giao là Kế toán ngân sách, bị cáo có nhiệm vụ phụ trách chung bộ phận kế toán - tài chính và tổng hợp, quản lý các khoản tiền thu, chi đảm bảo đúng nguyên tắc kế toán - tài chính. Nhưng chỉ vì muốn có tiêu xài cá nhân mà không phải lao động vất vả nên bị cáo đã lợi dụng quyền hạn của mình khi được giao giữ quỹ tiền mặt của UBND xã B, bị cáo đã sử dụng các nguồn quỹ của địa phương để tiêu xài cá nhân với số tiền là 170.674.000 đồng. Đến khi, bị cáo được điều động về công tác tại UBND xã E, bị cáo đã tham mưu cho Lãnh đạo xã ký rút 360.000.000 đồng từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên để quyết toán kinh phí hoạt động thường xuyên tồn năm 2013, bị cáo nhập quỹ số tiền 80.000.000 đồng; còn lại 280.000.000 đồng bị cáo quyết toán kinh phí hoạt động thường xuyên tồn năm 2013 được 102.678.000 đồng, còn lại 177.322.000 đồng, bị cáo không nhập quỹ mà chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Như vậy, trong thời gian công tác tại UBND xã B và UBND xã E, bị cáo đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt với tổng số tiền 347.996.000 đồng từ hai đơn vị trên. Quá trình

điều tra và tại phiên tòa bị cáo cũng thừa nhận việc làm trên của bị cáo là vi phạm pháp luật và trong quá trình điều tra vụ án bị cáo đã kêu gia đình nộp lại toàn bộ số tiền trên cho ngân sách. Như vậy, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm vào tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 278 Bộ luật hình sự.

Tại Điều 278 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc trong một các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

2...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là hết sức nguy hiểm cho xã hội, không chỉ làm hại đến tài sản, lợi ích Nhà nước mà còn ảnh hưởng đến đời sống của người dân tạo ra dư luận không tốt ở địa phương. Bị cáo phạm tội là do sự cố ý, biết vi phạm pháp luật mà vẫn thực hiện kéo dài gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng tài sản, lợi ích của Nhà nước.

Do đó, cần có một mức hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo một thời gian dài để cải tạo giáo dục bị cáo, giữ gìn kỷ cương pháp luật Nhà nước và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Nhưng xét thấy bị cáo đã khắc phục hậu quả do mình gây ra, nộp trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, trong quá trình công tác bị cáo cũng đã có nhiều công sức đóng góp cho đơn vị, gia đình có công cách mạng, vì vậy nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp thực hành quyền công tố giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Duy B tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 278 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

thêm các tình tiết được quy định tại điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 08 năm đến 10 năm tù.

Đối với trách nhiệm của ông Trương Văn Đ - Chủ tịch, Lê Thị M P - Kế toán, Nguyễn Thị L - Thủ quỹ UBND xã B; ông Lê Hữu T - Chủ tịch, Đỗ Văn M - Phó Chủ tịch, Nguyễn Thị P - Thủ quỹ, Lê Thị C T- Cán bộ nội vụ UBND xã E, thị xã H trong quá trình thực thi nhiệm vụ được giao đã thiếu kiểm tra, giám sát nên không kịp thời phát hiện, báo cáo cấp trên xử lý sai phạm của Nguyễn Duy B theo đúng quy định. Xét thấy việc để xảy ra sai phạm như trên là do những người này quá tin tưởng B nên thiếu kiểm tra, không có yếu tố vụ lợi, hậu quả vụ án đã khắc phục xong trước khi khởi tố vụ án nên chưa đến mức xử lý hình sự. Mặt khác, những người này đã bị xử lý về mặt Đảng và chính quyền đối với những thiếu sót nêu trên về mặt Đảng và chính quyền là thỏa đáng, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 điều 278 Bộ luật hình sự, cấm bị cáo B đảm nhiệm chức vụ kế toán và quản lý tài chính trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt thì bị cáo nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt xong, nên các nguyên đơn dân sự không yêu cầu xem xét giải quyết phần dân sự là phù hợp.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy B phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 278; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; **Điều 47 và điểm g khoản 1 Điều 48** Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy B 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2015.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 278 Bộ luật hình sự, cấm bị cáo Nguyễn Duy B đảm nhiệm chức vụ kế toán và quản lý tài chính trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã khắc phục xong toàn bộ, nên

không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 22 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Duy B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đ;
- Ban nội chính Tỉnh ủy Đ;
- Sở Tư pháp Tỉnh Đ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đ;
- Cục THADS- THAHS tỉnh Đ;
- Bị cáo; đương sự;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Đ ;
- Phòng GDKT-VP.TA tỉnh Đ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tô Phú Đông

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Phước Đa - Nguyễn Văn Em

Tô Phú Đông